

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2018/HS-PT
Ngày 28-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: 1. Ông Hoàng Kim Khánh.
2. Bà Lê Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 163/2018/TLPT-HS ngày 16 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Trần Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 14/2018/HSST ngày 10/4/2018, của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo kháng cáo:

Trần Văn T; sinh ngày 01/3/1997, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi ĐKKHKT và trú tại: Thôn Quyết T, xã E, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Trần Văn T1 (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị N, hiện trú tại: Xã E, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk.

Nhân thân: Tại bản án số 95/2014/HSST ngày 24/12/2014, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt bị cáo Trần Văn T 6 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Ngày 02/9/2015, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù về sinh sống tại địa phương.

Tiền sự: không; tiền án: 01 tiền án (Bản án số 113/2016/HSST ngày 28/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xử phạt 12 tháng tù, về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”); Ngày 28/9/2017, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù về sinh sống tại địa phương.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2017, hiện đang giam, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị T2; trú tại: Thôn Hải H, xã E, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Nguyễn Quang T3; trú tại: Thôn Phước L, xã Phú L, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Đoàn Văn V; trú tại: Thôn Lộc H, xã Phú L, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Quang T4; trú tại: Thôn Phước L, xã Phú L, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 11 năm 2017, Trần Văn T đã cùng đồng bọn thực hiện 3 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Krông N, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 02/11/2017, sau khi uống cà phê với bạn ở quán cà phê Mê Hy C ở thôn Hải H, xã E, Trần Văn T nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô. T cầm theo văm phá khóa và đi bộ từ quán cà phê về hướng chợ xã E, mục đích là tìm xe mô tô ai sơ hở, không có người trông coi thì phá khóa trộm cắp. Khi đi đến nhà bà Nguyễn Thị T2 thuộc thôn Hải H, xã E, T phát hiện xe mô tô hiệu HONDA Wave RSX F1, biển kiểm soát 47E1-324.xx đang dựng trước cửa nhà. T lén lút đến chỗ dựng xe, dùng văm phá khóa xe, dắt xe ra ngoài đường và nổ máy điều khiển xe về hướng thôn Ea B, xã Đ. T điều khiển xe đi được khoảng 400m thì va quệt xe với xe mô tô 47L3-43xx do anh Đinh Công D điều khiển ngược chiều, cả hai đều bị thương và được người nhà đưa đi điều trị tại bệnh viện. Ngày 04/11/2017 T xuất viện về nhà, ngày 06/11/2017 T được triệu tập đến Công an xã Ea T để làm việc thì T khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 84/KL-HĐĐGTS ngày 27/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K N kết luận: Xe mô tô hiệu HONDA Wave RSX F1, biển kiểm soát 47E1-324.xx có giá trị 22.490.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 16/11/2017, T gọi điện rủ N (Chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đi trộm cắp xe mô tô thì N đồng ý, T hẹn Nam đến đón tại chợ xã E. Khoảng 14 giờ ngày 16/11/2017, N điều khiển xe mô tô hiệu Wave đến đón T. Cả hai đi đến gần nghĩa địa xã Phú L thì cho N xuống đi bộ tìm xe mô tô để trộm cắp, còn T điều khiển xe mô tô của N đi đến khu vực chợ xã Phú L đợi N. Khoảng một giờ sau thì N gọi điện báo cho T là đã trộm cắp được xe mô tô và

hẹn gặp T tại thôn Trung H, xã Đ. Khi gặp, cả hai đổi xe cho nhau. T điều khiển xe mô tô hiệu Future, do N trộm cắp được đem về nhà tìm mỗi tiêu thụ, còn N thì điều khiển xe của N về nhà. Khi về nhà T gọi điện thoại nói với N, để lại xe cho T làm phương tiện đi lại, T sẽ đưa cho N số tiền là 1.000.000 đồng, thì N đồng ý. Sợ bị phát hiện T tháo biển kiểm soát của xe mô tô vớt tại đập hồ thôn Yên K, xã E, tháo toàn bộ vỏ xe và bán cho người đi mua ve chai dạo với số tiền là 50.000 đồng. Tiếp đó, T dùng giũa sắt mài mòn số máy và số khung của xe mô tô. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra không xác định được số máy, số khung còn biển kiểm soát thì truy tìm không có kết quả, nên Cơ quan điều tra đã đưa xe giám định số máy, số khung, xác định được xe mô tô hiệu Future mà N và T trộm cắp có biển kiểm soát 47E1-008.xx, là xe của anh Nguyễn Quang T4, trú tại thôn Lộc P, xã Phú L, huyện Krông N. Xe này anh T4 đã cho bố mình là ông Nguyễn Quang T3. Chiều ngày 16/11/2017 ông T3 điều khiển xe đi làm rẫy tại khu vực gần nghĩa địa xã Phú L, thuộc thôn Lộc P, xã Phú L, ông T3 dựng xe ở bên đường thì bị trộm cắp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 04/KL-HĐĐGTS ngày 17/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K N kết luận: Xe mô tô hiệu Future, biển kiểm soát 47E1-008.xx có giá trị là: 10.400.000 đồng. Thiệt hại của tài sản tại thời điểm ngày 29/11/2017 tổng là 2.460.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 19 giờ ngày 28/11/2017, N gọi điện rủ T đi trộm cắp xe mô tô tại xã Phú L thì T đồng ý và nói N đến đón T tại chợ xã E. N và T đi đến thôn Lộc Y, xã Phú L thì thấy xe mô tô hiệu Sirius, biển kiểm soát 47E1-199xx của anh Đoàn Văn V, trú tại thôn Lộc H, xã Phú L, huyện Krông N đang dựng trong sân nhà anh Nguyễn Văn H thuộc thôn Lộc Y, xã Phú L không có người trông coi. T dừng xe cho N đi bộ vào trộm cắp xe mô tô, còn T thì điều khiển xe mô tô đi đến nhà văn hóa thôn Tân N, xã Ea T chờ Nam. Khoảng 20 phút sau N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47E1-199xx mới trộm cắp được đến gặp T, T và N đổi xe cho nhau, T điều khiển xe mới trộm cắp được đem về nhà cất giấu tại vườn cà phê, còn N điều khiển xe của N đi về nhà. Đến sáng ngày 29/11/2017, N gọi điện nói với T số điện thoại của một đối tượng tên là L (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) và nói T liên lạc để bán xe, T gọi điện hẹn L chiều đem xe vào thôn Ea B, xã Đ để bán xe. Khoảng 17 giờ ngày 29/11/2017, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47E1-19918 đến một vườn cà phê ở thôn Ea B, xã Đ, huyện Krông N để gặp L. Khi T đang đứng một mình đợi L thì có một số người đi về hướng T, nghĩ hành vi phạm tội của mình đã bị phát hiện nên T bỏ chạy vào vườn cà phê. Anh Phạm Công H trú tại thôn Ea B, xã Đ, huyện Krông N đi làm thấy xe mô tô biển kiểm soát 47E1-199xx dựng bên cạnh đường, gần vườn cà phê không có chủ sở hữu đã gọi điện báo Công an xã Đ đến

tạm giữ xe. Ngày 30/11/2017, Cơ quan điều tra triệu tập T ra lấy lời khai thì T khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 69/KL-HĐDGTS ngày 04/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K N kết luận: Xe mô tô hiệu Sirius, biển kiểm soát 47E1-199xx, có giá trị là: 13.200.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2018/HSST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Trần Văn T **02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù** về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 30/11/2017.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ngày 20/4/2018, bị cáo kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số 14/2018/HSST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 là có căn cứ. Xét mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do vậy, đề nghị HĐXX phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên toà sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và nhận thức được rằng tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, người nào xâm phạm bất hợp pháp sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Nhưng xuất phát từ động cơ tham lam, vụ lợi nhưng lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên trong tháng 11/2017, bị cáo Trần Văn T đã thực hiện 03 vụ trộm cắp xe mô tô. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp được là 46.090.000 đồng.

Như vậy, bản án sơ thẩm số 14/2018/HSST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã xét xử bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội.

[2] Xét mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù mà bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu, tại bản án số 95/2014/HSST ngày 24/12/2014, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo có 01 tiền án về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội từ 02 lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại cấp sơ thẩm trước khi xét xử ông Đoàn Văn V có đơn xin bãi nại cho bị cáo nhưng bản án sơ thẩm không áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 cho bị cáo là thiếu sót cần bổ sung cho đầy đủ. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 14/2018/HSST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo bị cáo Trần Văn T **02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù** về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 30/11/2017.

[3] Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K N;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dân